

BÁO CÁO

**Tình hình giá cả thị trường, công tác quản lý giá tháng 12 và cả năm 2018,
chương trình công tác quản lý giá tháng 01 năm 2019**

I/TÌNH HÌNH CHUNG:

Tình hình giá cả thị trường Bắc Giang tháng 12 năm 2018 nhìn chung có chiều hướng biến động giảm so với tháng trước. Mặt hàng xăng dầu được điều chỉnh giảm sâu ngay từ đầu tháng theo điều hành giá xăng dầu của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương làm một số mặt hàng tiếp tục giảm giá theo như gas, khí đốt, cước vận tải hàng hóa.... Giá thịt lợn cũng giảm so với thời điểm cuối tháng trước.

Nhìn chung, trong năm 2018, giá cả thị trường tỉnh Bắc Giang không có hiện tượng bất thường, ngoài một số mặt hàng biến động giá theo tình hình chung của các nước như giá thịt lợn giảm giá sâu vào đầu năm do nguồn cung tăng đột biến nhưng đến giữa năm lại tăng trở lại, một số mặt hàng bia, nước giải khát tăng và khan hàng trong dịp worldcup, các mặt hàng còn lại tương đối ổn định, không biến động lớn.

Diễn biến giá cả một số nhóm mặt hàng chính trong tháng 12/2018 như sau:

1. Nhóm hàng lương thực, nông sản:

Giá lúa gạo tháng 12/2018 tại thị trường Bắc Giang tăng nhẹ so với tháng 11/2018. Cụ thể giá cả một số loại thóc, gạo như sau: Thóc Khang dân thường phổ biến từ 7.500-8.000đ/kg, Gạo xi 12.000-13.000đ/kg, Gạo Khang Dân 10.300-11.500đ/kg, Gạo Dự Hương 16.000-17.000đ/kg, Gạo Tám Thơm Yên Dũng 16.000-18.000đ/kg....

Dự báo: Giá lúa gạo sẽ có xu hướng tăng giá vì càng gần Tết Nguyên đán, nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng cao trong khi nguồn cung giảm.

2. Nhóm hàng thực phẩm, rau, củ, quả:

Thời điểm cuối tháng, giá thịt lợn giảm nhẹ so với thời điểm đầu tháng, từ 1.000– 2.000 đồng/kg. Thời điểm cuối tháng, giá thịt lợn hơi dao động ở mức

70.000 – 75.000 đồng/kg, thịt lợn ba chỉ 95.000-100.000đ/kg, thịt lợn thăn 95.000-100.000đ/kg, thịt lợn mỡ sấn 90.000-95.000đ/kg; thịt lợn nạc vai: 95.000-100.000đ/kg;

Thịt bò thăn, thịt trâu vẫn dao động ổn định ở mức 255.000-265.000đ/kg.

Thịt gà công nghiệp dao động ở mức 65.000-75.000đ/kg, Thịt gà ta còn sống (gà đồi) 85.000-90.000đ/kg,

Ngoài ra các mặt hàng như: Hải sản, thủy sản ổn định so với tháng 11. Giá cá chép 60.000-65.000đ/kg, Cá quả 120.000-130.000đ/kg.

Giá rau củ tháng 12 tương đối rẻ do nhiều loại rau, củ sản xuất vụ đông,, cụ thể: Giá cải xanh: 5.000-6.000đ/kg, rau Muống: 6.000-8.000đ/kg, Mùng toi: 4.000-5.000đ/kg, Cà chua: 8.000-10.000đ/kg, đũa xanh: 8.000 -10.000 đồng/kg, củ cải: 8.000-10.000 đồng/kg....

3. Giá vàng và Đô la Mỹ:

Giá bán vàng 99,99% tại các công ty kinh doanh vàng bạc tại Bắc Giang trong tháng 12 dao động không lớn. Trung bình giá vàng 99,99% tại Bắc Giang dao động ở mức 3.630-3.650 nghìn đồng/chỉ (mua vào – bán ra).

Tại các ngân hàng thương mại lớn, tỷ giá Đô la Mỹ được niêm yết cuối tháng ở mức mua vào/bán ra là: 23.190-23.280 đồng/USD. Tỷ giá các NHTM và tại thị trường tự do trong tháng 12/2018 nhìn chung tương đối ổn định.

3. Nhóm hàng vật liệu xây dựng

Giá cả các mặt hàng thuộc nhóm hàng vật liệu xây dựng tháng 12/2018 giảm giá nhiều so với tháng 11/2018, cụ thể giá cả bình quân một số loại: xi măng Bắc Giang PCB 30: 42.000 đồng/bao, xi măng Vincem Bút Sơn (Hà Nam) pcb 30: 65.000đ/bao, cát vàng <2: 300.000-320.000đ/kg, sỏi 4x6: 170.000-200.000đ/kg.

Giá thép xây dựng bán lẻ trên thị trường Bắc Giang tháng 12/2018 giảm nhẹ tùy từng chủng loại và nhà sản xuất, dao động ở mức 13.500đ/kg – 14.000đ/kg.

4. Nhóm hàng nhiên liệu, khí đốt

Do các lần điều chỉnh giá xăng dầu trong tháng 12, các cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh đồng loạt điều chỉnh giá bán, theo đó, tại các cây xăng petrolimex, giá xăng được niêm yết từ ngày 21/12/2018 như sau: E5 ron 92- II: 17.110đ/lít, RON 95-IV: 18.650 đồng/lít, dầu diezen 0.05s: 16.320đ/lít, dầu hòa: 15.300đ/lít.

Đối với các mặt hàng gas, khí đốt, giá bán lẻ giảm trung bình 20.000-30.000 đồng/bình tùy loại. Trung bình giá dao động quanh mức: Gas Petrol 12kg: 300.000-320.000đồng/ bình, gas Hồng Hà bình 12kg: 280.000-300.000đồng/bình...

5. Nhóm giá cước vận tải

Tháng 12 giá cước vận tải trong tỉnh gồm giá xe đường dài liên tỉnh, giá taxi được các công ty kinh doanh vận tải giữ ổn định so với cuối tháng 11. Cước vận tải hàng hóa giảm. Đơn giá cước vận tải xe đường dài liên tỉnh dao động ở mức 450-650đ/Tkm, giá mở cửa của các hãng taxi niêm yết ở mức 8.000đồng đối với loại 4 chỗ ngồi loại xe nhỏ, 9.000 đồng đối với loại xe 4 chỗ ngồi loại xe to.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ TRONG THÁNG 12/2018 VÀ CẢ NĂM 2018:

Năm 2018 là năm thứ hai Luật Phí và Lệ phí năm 2015 có hiệu lực thi hành. Về cơ bản việc chuyển từ phí sang giá do Nhà nước định giá không làm xáo trộn hoạt động cung ứng dịch vụ của đơn vị và việc sử dụng dịch vụ của các tổ chức, cá nhân. Các đơn vị cung cấp dịch vụ chấp hành nghiêm túc theo quy định của pháp luật về quản lý giá và pháp luật có liên quan.

Mặt bằng giá cả thị trường trong tỉnh năm 2018 biến động theo hướng tăng thấp trong những tháng đầu năm sau đó tương đối ổn định trong cả năm, không có hiện tượng đầu cơ tăng giá bất thường trên địa bàn tỉnh.

Để làm tốt công tác tham mưu quản lý giá trên địa bàn tỉnh, Sở Tài chính luôn theo dõi sát diễn biến giá cả của thị trường để kịp thời tham mưu phương án bình ổn thị trường, giá cả nhất là đối với những mặt hàng thiết yếu khi cần thiết để không có tác động tiêu cực lên mặt bằng giá, tác động đến CPI, qua đó góp phần kiểm soát lạm phát theo mục tiêu chung của Chính phủ.

Trong năm 2018, công tác quản lý nhà nước về thẩm định giá cũng được tăng cường. Tính đến hết tháng 11, Sở Tài chính đã thẩm định 240 hồ sơ đề nghị thẩm định giá của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh theo phân cấp thẩm quyền với tổng giá trị đề nghị thẩm định giá là 820 tỷ đồng, giá trị tài sản sau thẩm định là: 800 tỷ đồng, trong đó tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định giá cấp tỉnh là 22 hồ sơ với giá trị tài sản đề nghị thẩm định là 464 tỷ đồng. Ngoài ra, Sở Tài chính còn tham gia Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, xử phạt hành chính...

Thực hiện Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, Sở Tài chính đã báo cáo Lãnh đạo tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo XD hồ sơ phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và chủ trì thẩm định phương án giá theo thẩm quyền.

Ngoài ra, Sở Tài chính tích cực phối hợp cùng với các Sở, Ngành tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá và bán hàng theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn đối với mặt hàng bình ổn giá, kê khai giá theo quy định; Phối hợp với Sở Xây dựng tham gia ý kiến về giá các loại vật tư, VLXD của 50 dự án, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh và công bố giá VLXD hàng tháng trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, Sở Tài chính tham gia Hội đồng thẩm định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất, thẩm định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất các dự án sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, xác định các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp của các đơn vị, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị địa phương thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và đầu tư thẩm định chấp thuận đầu tư dự án, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án....

Năm 2018, Sở Tài chính đã trình UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đối với tổ chức để thực hiện 04 dự án gồm: Đấu giá tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thuê để lựa chọn tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý chợ Song Khê thuộc xã Song Khê thành phố BG; Đấu giá quyền sử dụng đất, phương án đấu giá lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật các phân lô LK18, LK19, LK20, LK21 thuộc quy hoạch khu dân cư trung tâm xã Mỹ Thái huyện Lạng Giang, Đấu giá thuê đất và bán tài sản công tại Trường Trung cấp nghề thủ công mỹ nghệ 19-5 Bắc Giang, Đấu giá QSD đất, phương án đấu giá lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án ĐTXD nhà chung cư thương mại tại khu dân cư cạnh đường Xương Giang, TPBG.

Trình UBND tỉnh phê duyệt giá đất tính thu tiền sử dụng đất của 6 dự án khu dân cư, khu đô thị mới trên địa bàn tỉnh.

Tham gia ý kiến về năng lực tài chính của nhà đầu tư để giao đất, cho thuê đất để quyết định chủ trương đầu tư theo đề nghị của Sở Kế hoạch và đầu tư đối với 40 dự án.

Thẩm định, xác định giá trị tiền bồi thường giải phóng mặt bằng được trừ vào tiền thuê đất, tiền sử dụng đất phải nộp của 68 doanh nghiệp với tổng số tiền được giảm trừ là:505 tỷ đồng.

Thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Sở Tài chính chủ trì thẩm định phương án cho thuê tài sản công của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh như các đơn vị trong khối Y tế, Sở Văn hóa TT và DL.

Tháng 12/2018, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thay thế Quyết định 832/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn

tỉnh (UBND tỉnh ban hành trước 1/1/2019) và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh.

III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 1/2019:

Tháng 1/2019 là tháng giáp Tết Nguyên đán, Sở Tài chính chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tăng cường theo dõi tình hình biến động của thị trường, đặc biệt các dịp cận Tết đến kịp thời tham mưu UBND tỉnh biện pháp xử lý trong trường hợp thị trường có biến động bất thường. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong tỉnh để kịp thời phát hiện các hiện tượng đầu cơ găm hàng, đẩy giá gây bất ổn thị trường và tổ chức thanh tra, kiểm tra việc kinh doanh theo giá kê khai, niêm yết bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 871/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định đơn giá thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Phối hợp với Sở Xây dựng ra công bố giá VLXD theo quy định; tăng cường chế độ thông tin báo cáo giá cả thị trường, giá vật liệu xây dựng và kết quả đấu giá quyền sử dụng đất theo yêu cầu của Bộ tài chính và chỉ đạo của UBND tỉnh.

Voi nhận:

- Tỉnh uỷ, UBND tỉnh (b/c);
- Cục Quản lý Giá (b/c);
- Các tỉnh bạn;
- Lưu: VT, QLCS.

*Bản điện tử:

- csgia@mof.gov.vn;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê, Hội nông dân tỉnh, Sở LĐ-TB&XH, Sở CT;
- UBND các huyện, TP;
- Phòng TC - KH các huyện, TP;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Phương

BÁO CÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 12.2018

(Kèm theo Báo cáo số 2123/BC-STC ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Sở Tài chính Bắc Giang)



| STT | Mặt hàng | | Giá tháng 12 | Ghi chú |
|-----|-------------------------------|---------|--------------|---------------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 5 | 6 |
| 1 | Thóc tẻ thường | đ/kg | 7.500 | Khang dân |
| 2 | Gạo tẻ thường | đ/kg | 11.000 | Khang dân |
| 3 | Gạo tám thơm, nàng hương | đ/kg | 18.000 | Thơm Yên Dũng |
| 4 | Thịt lợn thăn | đ/kg | 85.000 | |
| 5 | Thịt lợn mỡ sấn | đ/kg | 78.000 | |
| 6 | Thịt bò thăn loại 1 | đ/kg | 260.000 | |
| 7 | Gà công nghiệp làm sẵn | đ/kg | 68.000 | làm sẵn |
| 8 | Gà ta còn sống | đ/kg | 90.000 | loại ngon |
| 9 | Cá quả | đ/kg | 120.000 | loại 0,5kg/con |
| 10 | Cá chép/trắm | đ/kg | 65.000 | loại trên 2kg/con |
| 11 | Cá biển loại 4 | đ/kg | 45.000 | |
| 12 | Cá thu | đ/kg | 200.000 | Cá cắt lát nướng |
| 13 | Giò lụa | đ/kg | 85.000 | |
| 14 | Rau bắp cải/cải xanh | đ/kg | 8.000 | Cải xanh |
| 15 | bí xanh | đ/kg | 10.000 | |
| 16 | Cà chua | đ/kg | 9.000 | |
| 17 | Dầu ăn thực vật | đ/lít | 43.000 | Simply |
| 18 | Muối hạt | đ/kg | 6.000 | |
| 19 | Đường RE | đ/kg | 13.000 | |
| 20 | Sữa | đ/hộp | 20.000 | Thọ đô |
| 21 | Bia chai HN | đ/két | 150.000 | |
| 22 | Bia lon HN | đ/thùng | 230.000 | |
| 23 | Cocacola lon | đ/thùng | 180.000 | |
| 24 | 7 Up lon | đ/thùng | 170.000 | |
| 25 | Rượu vang nội đóng chai | đ/chai | 65.000 | Vang đỏ Đà Lạt 12,5 độ |
| 26 | Thuốc cảm thông thường | đ/lọ | 2.500 | Decolgen vi 20v |
| 27 | Thuốc Ampicillin 250 mg | đ/lọ | 7.500 | Dược TWI vi 10v |
| 28 | Thuốc thú y | đ/chai | 115.000 | Enrofloxacin 5% (100ml) |
| 29 | Thuốc bảo vệ thực vật | đ/chai | 75.000 | Filia 525SE An Giang (100ml) |
| 30 | Thức ăn chăn nuôi sản xuất CN | đ/kg | 15.000 | TĂ hỗn hợp đặc cho heo gà |
| 31 | Lốp xe máy nội loại 1 | đ/chiếc | 153.000 | |
| 32 | Tivi 21" TCL | đ/chiếc | 2.000.000 | TCL 21" |
| 33 | Tủ lạnh 150l, 2 cửa LG | đ/chiếc | 4.050.000 | LG |
| 34 | Phao tròn | đ/chiếc | 35.000 | |
| 35 | Phân Ure | đ/bao | 500.000 | Bao 50kg |
| 36 | Phân lân | đ/bao | 300.000 | Bao 50kg |
| 37 | Xi măng PCB 30 | đ/bao | 42.000 | Bắc Giang |
| 38 | Thép XD phi 6-8 | kg | 13.800 | tại TPBG |
| 39 | Ống nhựa phi 90 | đ/m | 50.200 | Ống thoát nước Bình Minh miền Bắc PN6 |
| 40 | Ống nhựa phi 21 | đ/m | 5.100 | Ống thoát nước Bình Minh miền Bắc PN6 |

| | | | | |
|----|-----------------------------|---------|-----------|-----------------------------------|
| 41 | Xăng E5 ron 92-II | đ/lít | 17.110 | tại Cây xăng Petrolimex |
| 42 | Dầu hỏa | đ/lít | 15.300 | |
| 43 | Diezen (0,05S -II) | đ/lít | 16.320 | |
| 44 | Gas petrolimex | đ/bình | 310.000 | |
| 45 | Cước ô tô liên tỉnh | đ/vé | 55.000 | BG-HN(Mỹ Đình) |
| 46 | Cước taxi | đ/km | 9.000 | mở cửa đối với xe 4 chỗ loại xe v |
| 47 | Cước xe buýt trong đô thị | đ/vé | | |
| 48 | Công may quần áo nam/nữ | đ/chiếc | 150.000 | |
| 49 | Trông giữ xe máy | đ/lượt | 5.000 | |
| 50 | Vàng 99,9% (vàng trang sức) | đ/chi | 3.650.000 | Bán ra |
| 51 | Đô la Mỹ (NHTM) | đ/USD | 23.280 | Bán ra |
| 52 | Euro (NHTM) | đ/Eu | 27.300 | Bán ra |
| 53 | Nhân dân tệ (NHTM) | đ/NDT | 3.470 | Bán ra |
| 54 | Chụp ảnh thẻ | đ/kiểu | 30.000 | |

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ ĐÔLA MỸ TRONG TỈNH

Tháng 11/2018

(Kèm theo Báo cáo số 423/BC-STC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Sở Tài chính Bắc Giang)



Đơn vị tính: %

| A | Mã số | Chỉ số giá tháng 11/2018 so với | | | |
|--|-----------|---------------------------------|----------------------|--------------------|---------------|
| | | Kỳ gốc năm 2014 | Cùng tháng năm trước | Tháng 12 năm trước | Tháng trước |
| | B | 1 | 2 | 3 | 4 |
| CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG: | C | 109,6 | 102,25 | 102,21 | 99,06 |
| I- Hàng ăn và dịch vụ ăn uống: | 01 | 103,08 | 104,34 | 104,89 | 99,09 |
| Trong đó: + Lương thực: | 011 | 108,52 | 102,31 | 102,28 | 100,57 |
| + Thực phẩm: | 012 | 100,37 | 104,62 | 105,40 | 98,64 |
| + Ăn uống ngoài gia đình | 013 | 110,57 | 104,25 | 104,25 | 100,00 |
| II- Đồ uống và thuốc lá: | 02 | 110,26 | 100,92 | 101,37 | 100,00 |
| III- May mặc, mũ nón, giày dép: | 03 | 112,00 | 103,06 | 102,52 | 100,00 |
| IV- Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD: | 04 | 105,33 | 99,34 | 98,63 | 96,35 |
| V- Thiết bị và đồ dùng gia đình: | 05 | 105,53 | 101,26 | 100,79 | 100,03 |
| VI- Thuốc và dịch vụ y tế: | 06 | 241,16 | 89,96 | 89,94 | 100,0 |
| VII- Giao thông | 07 | 110,79 | 107,35 | 106,56 | 98,11 |
| VIII- Bru chính viễn thông: | 08 | 95,16 | 98,34 | 98,34 | 100 |
| IX- Giáo dục: | 09 | 113,95 | 103,74 | 103,74 | 100,05 |
| X- Văn hóa, giải trí và du lịch: | 10 | 100,18 | 101,07 | 101,03 | 100,04 |
| XI- Hàng hóa và dịch vụ khác | 11 | 116,04 | 104,93 | 104,81 | 100,05 |
| CHỈ SỐ GIÁ VÀNG: 99,99%, KIỂU NHẪN TRÒN 1-2 CHỈ | 1V | 107,26 | 98,3 | 98,58 | 101,43 |
| CHỈ SỐ GIÁ ĐÔLA MỸ: LOẠI TỜ 50-100USD | 2U | 103,87 | 103,53 | 103,34 | 99,94 |